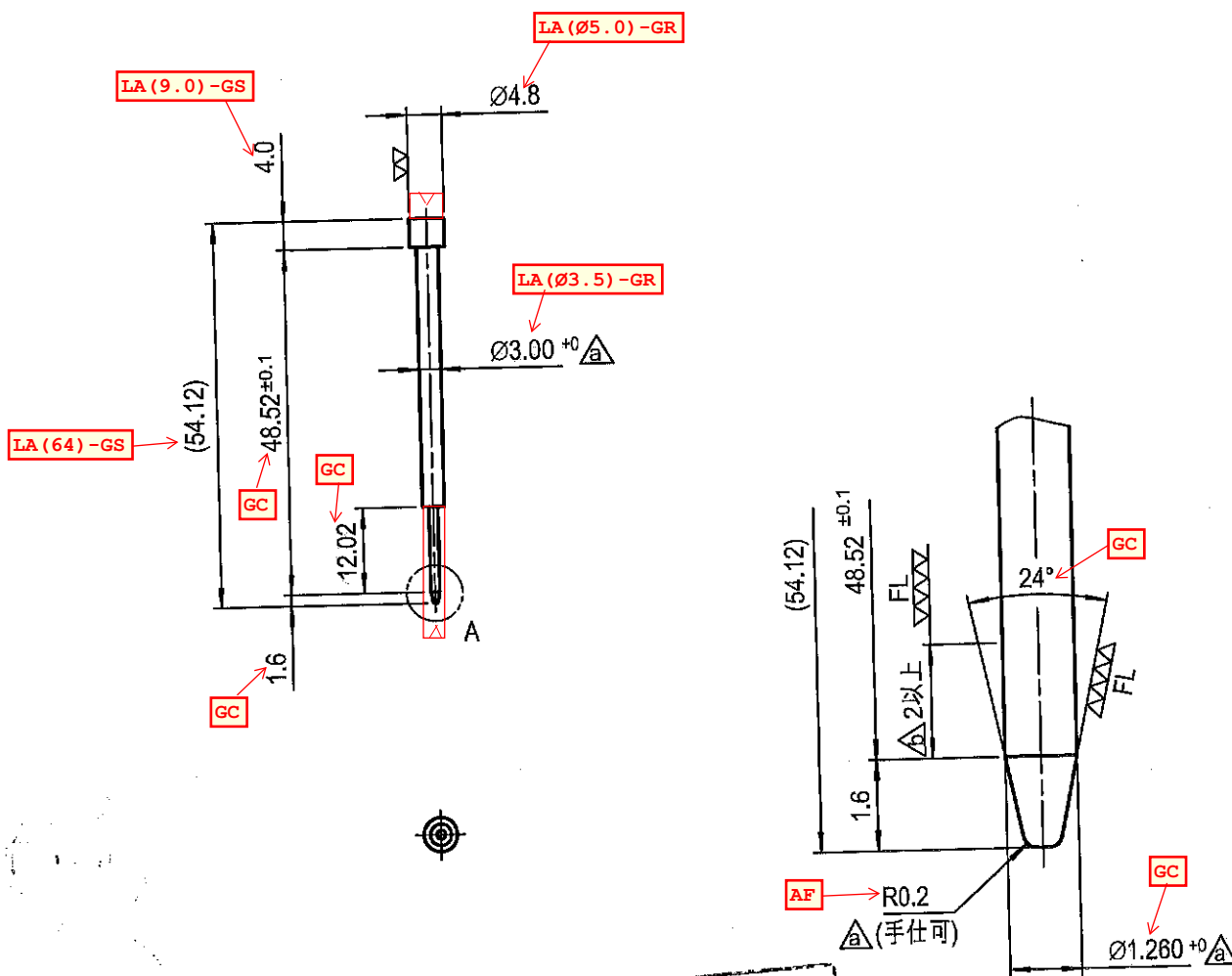


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2007/08/21	新規設計		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.0000	±0.002	0.000 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.005
△a	2013/05/14	寸法中心値標註		Lia_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 <sub>-0</sub>	<sup>+0.005</sup> -0
△b	2015/04/10	追記と圖面整理		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.00	±0.01	0.00 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 <sub>-0</sub>	<sup>+0.01</sup> -0
						0.	±0.2	0.0 <sup>+0</sup>	<sup>+0</sup> -0.1
								0.0 <sub>-0</sub>	<sup>+0.1</sup> -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G (FL)									



出図 - VDM KTCT XUẤT BẢN VẼ  
 製作加工用図 DÙNG GIA CÔNG CHẾ TẠO  
 27-11-2018  
 TRẢ VÉ SAU 3 THÁNG  
 NO COPY  
 CONFIDENTIAL

A部詳細(KC-022)

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING		パイロットピン PILOT PIN
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図		定位銷
HRC 60° ~ 62		部品図		定位銷
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKD11	2007/08/21	1:1 (8/1)		S752563

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

SKD51 Ø5 x 70.

213 18 11 113

SNO: **S752563**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>Ø5*75</b>	LA:30 HT:40 GR:60 GS:30 GC:75 AF:10 KT